TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-03-2023.
V/v: Ly hôn giữa chị D và anh Ch.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mầng.

2 – Ông Lò Văn Khẹt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiều - Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị L T D, sinh năm 1992.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh V A Ch, sinh năm 1987.

Trú tại: Bản X, xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Bà Vàng Thị Dàng, địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị L T D trình bày:

Chị và anh V A Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 05/12/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V A Ch nhiều lần bạo lực với chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng

không khắc phục được. Từ năm 2019 hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị L T D xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh V A Ch.

Về con chung: Có hai con là V T C, sinh ngày 25/02/2013 và V T B, sinh ngày 06/01/2021. Chị xin được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L T D trình bày: Tại phiên tòa anh V A Ch yêu cầu đòi chị phải trả 25.000.000, đồng tiền sính lễ cưới. Chị không nhất chí.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh V A Ch trình bày:

Anh xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị L T D và anh V A Ch. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị L T D. Nay chị L T D yêu cầu ly hôn anh xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có hai con là Vừ Thị Công, sinh ngày 25/02/2013 và Vừ Thái Bình, sinh ngày 06/01/2021, anh có ý kiến anh xin nuôi cả hai con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V A Ch yêu cầu đòi chị L T D phải trả cho anh số tiền 25.000.000, đồng tiền sính lễ cưới.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

Có căn cứ để xử cho chị L T D được ly hôn anh V A Ch.

Con Chung: Giao cho chị L T D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vừ Thị Công, sinh ngày 25/02/2013 và Vừ Thái Bình, sinh ngày 06/01/2021. Anh V A Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có căn cứ chấp nhận đòi 25.000.000, đồng tiền sính lễ cưới của anh V A Ch.

Chị L T D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, Chng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L T D và anh V A Ch có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh V A Ch bạo lực gia đình. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị L T D và anh V A Ch đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị L T D yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị L T D được ly hôn anh V A Ch.

[2] Về con chung: Có hai con là Vừ Thị Công, sinh ngày 25/02/2013 và Vừ Thái Bình, sinh ngày 06/01/2021. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu Vừ Thị Công muốn ở với mẹ, cháu Vừ Thái Bình hiện nay dưới 36 tháng tuổi. Cần giao cháu Vừ Thị Công và cháu Vừ Thái Bình cho chị L T D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L T D không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về yêu cầu đòi 25.000.000, đồng tiền sính lễ cưới của anh V A Ch. Xét thấy việc hai bên gia đình thống nhất thỏa thuận cưới hỏi, số tiền chi phí để mời cưới theo phong tục tập quán, nay anh V A Ch đòi lại là không có căn cứ chấp nhận.

Chị L T D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị L T D được ly hôn anh V A Ch.

2. Giao cho cho chị L T D trực tiếp nuôi dưỡng cháu V TC , sinh ngày 25/02/2013 và cháu V T B, sinh ngày 06/01/2021. Anh V A Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ: Đều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Không có căn cứ chấp nhận đòi 25.000.000, đồng tiền sính lễ cưới của anh V A Ch.

5. Về án phí: Chị L T D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003789 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Chị L T D, anh V A Ch được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 08/3/2023.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- UBND xã Y, huyện Mường La (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.